

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

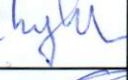
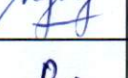
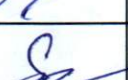
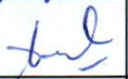
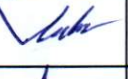
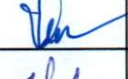
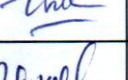
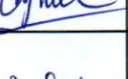
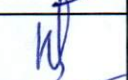
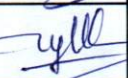
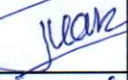
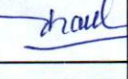
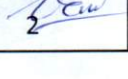
**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ TẬP TRUNG A55C, KHOÁ HỌC 2025-2026
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC**

**Thi phần A.V +VI: Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học;
Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.**

Ngày thi: 02/6/2025; Thời gian: 180 phút

Phòng thi: Số 07

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Y Ly	Ayũn	19/5/1994	03	36	7,75	Bảy, bảy năm
2	Võ Đức	Anh	14/11/1983	03	22	7,5	Bảy, năm
3	H Pha	Ayun	29/7/1995	03	39	8,5	Tám, năm
4	H Hương	Ayun	11/4/1999	03	27	7,75	Bảy, bảy năm
5	Trần Minh	Châu	13/3/1992	03	23	7,75	Bảy, bảy năm
6	Nguyễn Tấn Hoàng	Điệp	27/8/1988	03	25	8,0	Tám
7	Nguyễn Minh	Đức	08/6/1984	03	41	8,5	Tám, năm
8	Nguyễn Ánh	Dung	16/10/1995	03	40	8,25	Tám, hai năm
9	Vũ Thị Hương	Giang	15/9/1981	03	28	7,5	Bảy, năm
10	Hoàng Mai	Hà	01/11/1990	03	19	7,75	Bảy, bảy năm
11	Hoàng Thị	Hằng	15/11/1992	03	24	7,75	Bảy, bảy năm
12	Nguyễn Thị	Hiệp	8/02/84	03	42	8,5	Tám, năm
13	Lê Trần Trung	Hiếu	08/10/1992	02	45	8,25	Tám, hai năm
14	Nguyễn Văn	Hiếu	04/6/1988	02	5	7,25	Bảy, hai năm
15	Phan Thy Huy	Hoàng	07/01/1992	03	17	7,75	Bảy, bảy năm
16	Nguyễn Mạnh	Hùng	09/7/1994	03	43	8,5	Tám, năm
17	Trần Mạnh	Hùng	05/11/1990	02	8	7,5	Bảy, năm

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
18	Lê Trung Kiên	20/7/1978	03		31	7,75	Bảy, bảy năm
19	Nguyễn Thị Hoàng Lan	08/10/1998	03		20	7,75	Bảy, bảy năm
20	La Thị Thùy Linh	26/3/1993	03		11	7,75	Bảy, bảy năm
21	Vũ Đức Mạnh	01/3/1990	03		34	7,5	Bảy, năm
22	Cung Đình Nguyên	08/3/1986	02		1	7,25	Bảy, hai năm
23	Hoàng Văn Nguyễn	26/9/1992	02		2	7,0	Bảy
24	H' Doanh Niê	05/8/1997	03		12	8,0	Tám
25	Võ Văn Phú	14/10/1989	03		15	7,75	Bảy, bảy năm
26	Lê Đình Sanh	07/02/1992	03		35	7,75	Bảy, bảy năm
27	Hồ Thanh Sơn	08/6/1991	02		10	7,0	Bảy
28	Trần Văn Sơn	13/6/1991	03		38	8,0	Tám
29	Nguyễn Thế Tâm	15/11/1972	02		6	7,0	Bảy
30	Trần Hoài Tân	26/9/1991	02		9	7,0	Bảy
31	Nguyễn Ngọc Tân	01/10/1997	03		33	7,75	Bảy, bảy năm
32	Vũ Xuân Thuý	09/8/1987	02		3	7,0	Bảy
33	Phan Thị Kim Thuý	26/8/1988	03		18	7,75	Bảy, bảy năm
34	Hoàng Thị Kim Tiến	25/10/1987	03		30	8,0	Tám
35	Dương Thị Trang	17/6/1991	03		21	8,0	Tám
36	Đặng Thị Huyền Trang	07/10/1992	03		16	7,75	Bảy, bảy năm
37	Dương Hiền Trọng	15/11/1978	02		44	8,5	Tám, năm
38	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/12/1995	03		32	7,75	Bảy, bảy năm
39	Đặng Văn Tuấn	08/02/1993	02		7	7,75	Bảy, bảy năm
40	Huỳnh Thị Thanh Tùng	21/3/1983	03		26	7,75	Bảy, bảy năm
41	Nguyễn Công Văn	08/08/1998	03		14	8,0	Tám

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
42	Nguyễn Trọng Vũ	31/3/1991	03	<i>[Signature]</i>	38	7,75	Bảy, bảy năm
43	Nguyễn Hữu Minh	01/7/1993	02	<i>[Signature]</i>	4	7,0	bảy
44	Nguy Thế Xuân	17/12/1987	05	<i>[Signature]</i>	13	7,75	Bảy, bảy năm
45	Yi Lâu	16/6/1992	03	<i>[Signature]</i>	29	7,75	bảy, bảy năm

Tổng số học viên theo danh sách:.....45.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....0.....học viên (lý do:...../.....)

Số học viên đủ điều kiện thi:.....45.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....0.....học viên; trong đó: có lý do:...../..... học viên; không có lý do:.....học viên;

Số bài thi hiện có:.....45.....bài/.....123.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

[Signature]
Lê Hải Jin

Ngày...10...tháng...6...năm 2025

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

[Signature]
Trần Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

[Signature]
Đỗ M. Biên



Huỳnh Chiến Thắng

CÁN BỘ COI THI 02

[Signature]
Nguyễn Thị Thắm

Ngày...10...tháng...6...năm 2025

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

[Signature]
Lê Hải Jin

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

[Signature]

TS. Lê Duyên Hà